BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1171/QĐ-BCA	*Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cảnh sát cơ động; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ; Nghị định số 02/2025 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Tờ trình số 2186/TTr-A08 ngày 11 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không được quy định tại Quyết định số 1211/QĐ-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an công bố thủ hành chính mới ban hành trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an và Quyết định số 3177/QĐ-BCA ngày 05/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an công bố thủ hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an *(danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Cổng dịch vụ công Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLXNC (TTANHKQG).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	3.000.368	Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh; - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay.
2	3.000.369	Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay.
3	3.000.370	Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh; - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay.

			An ninh hàng không Việt Nam		
4	3.000.371	Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh; - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh được giao chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
5	3.000.372	Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh, - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh được giao chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
6	3.000.373	Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	- Cục Quản lý xuất nhập cảnh; - Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh được giao chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng

					không, sân bay.
7	3.000.375	Phê duyệt chương trình an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
8	3.000.376	Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh hàng không	Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam	Bảo đảm an ninh hàng không	Cục Quản lý xuất nhập cảnh

II. Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính

1. Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ thủ tục hành chính: Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không - cơ quan cấp thẻ.

Bước 2: Giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo, hướng dẫn và đề nghị cơ quan đề nghị cấp thẻ bổ sung hồ sơ theo quy định.

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại 02 sân bay trở lên, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 44-46, phố Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (xã Nội Bài, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Hòa Thuận Tây, thành phố Đà Nẵng).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 01 đường Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không do Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh; hoặc

- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Nộp trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định;

- Danh sách trích ngang theo mẫu quy định;

- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai của cơ quan đề nghị (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

- Bản sao có chứng thực hoặc nếu là bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

Doanh nghiệp không phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

1.8. Phí, lệ phí: 150.000 đồng/lần/thẻ.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị (*Mẫu 1A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (*Mẫu 2A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (*Mẫu 3A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*).

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 quy định về an ninh hàng không.

- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

- Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam.

1.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

1.12.1. Mẫu Công văn đề nghị

Tên đơn vị đề nghị…

Name of organization

Số (Number):……/…….

V/v (Subject):

……..

… (location), ngày (date)…tháng (month)… năm (year)…

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; …… , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) …….. giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject … [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: (2)……

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: ……

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)"

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- …;
- Lưu …
(Save)

[1] Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached."

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép, thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.

1.12.2. Mẫu danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

Đơn vị..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN (1)
(Kèm công văn số .... ngày... tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị.....)

Kính gửi: ....

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	*Số CC/CCCD/Hộ chiếu*	Số thẻ đã cấp(nếu có)	Thời hạn đề nghị cấp	Khu vực đề nghị cấp						Ghi chú

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (2)
(ký tên, đóng dấu)"

(1) Nếu danh sách có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.

(2) Không áp dụng đối với các trường hợp danh sách trích ngang đính kèm văn bản đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

1.12.3. Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu Color photo 04cm x 06cm (dấu giáp lai đóng kèm) (the joint-page-seal attached)

…, ngày … tháng … năm …
…, date … month … year …

Kính gửi: … … … …… … … …… … … …
To: … … … …… … … …… … … …

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY PERMIT WITH LONG-TERM USE)

Số: … … …[1]
No: … … …

1. Họ và tên *(Full Name)*: …… 2. Giới tính (*Gender)*:……..
3. Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: …/…/… 4. Dân tộc *(Ethnic group)*:……
5. Quê quán *(Hometown)*: …… 6. Tôn giáo *(Religion)*: ……..
7. Quốc tịch *(Nationality)*: ……
8. Chức vụ *(Position)*: …… 9. Điện thoại liên lạc *(Tel)*:……..
10. Chỗ ở hiện nay *(Present address)*:……
11. Số Căn cước/CCCD *(National ID card)*/ Hộ chiếu (*Passport No)*:……
12. Ngày cấp *(Date of issue)*: …… Nơi cấp *(Place of issue)*:……
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác *(Working place)*:……..
14. Thời hạn làm việc *(Length of work)*:
14.1. Biên chế nhà nước *(Permanent term)* ☐
14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn *(Indefinite-term contract)* ☐
14.3. Hợp đồng xác định thời hạn *(Definite-term contract)* ☐
Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc *(Seasonal Contract)* ☐

[1] Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...

15. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five years*):

Thời gian *(Time)*	Đơn vị công tác *(Working place)*	Chức vụ, công việc *(Positions and duties)*

16. Kỷ luật *(Discipline)*: … … … … … … … …… … … …… … … …… …

17. Tiền án, tiền sự *(Previous convictions)*: … … … …… … … …… … … …

18. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có)/*Airport Security permit number (if any)*: … … … …… … … …… … … …… … … …… … …

19. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay *(Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas)*:

……

19 .1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (*Frequency of activities in restricted areas*):

- Thường xuyên *(Regular)* ☐
- Không thường xuyên *(Irregular)* ☐

19.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (*Activities in restricted areas*)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa *(Passenger, baggage and cargo handling)*	☐
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay *(Aircraft maintenance, repair and cleaning)*	☐
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu… cho tàu bay *(Aircraft catering, refueling...)*	☐
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay *(Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)*	☐
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (*Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport*)	☐
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (*Airport/ terminal equipment maintenance)*	☐
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga *(Providing business and services at the terminal)*	☐
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay *(Providing other services for flights)*	☐
Phục vụ chuyên cơ *(VVIP flights)*	☐
Làm thủ tục visa cho khách du lịch *(Assisting visa for tourists)*	☐

Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị *(Welcoming and seeing off organization's visitors)*	☐
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan *(Performing duties of the public security, army and customs)*	☐
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác *(Performing duties of competent authorities)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga *(Terminal facilities construction and repair)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay *(Airport facilities construction and repair)*	☐
Công việc khác (*Other activities*)	☐

19.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 19.2 trên *(Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 19.2 above)*: .....
.....

19.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (*Which area(s) do you apply for?*):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (*Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area*)	☐
Khu vực sân đỗ tàu bay (*Aircraft parking area*)	☐
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (*Runways and taxiways*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (*Baggage sorting and loading area*)	☐
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (*Transit/transfer area*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (*Cargo and mail sorting and loading area*)	☐
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (*VVIP Flight Lounges*)	☐
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (*Baggage reclaim area at Arrival Terminal*)	☐
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (*Passenger check-in area*)	☐
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (*Cargo and mail accepting and holding area*)	☐
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (*Airport/aerodrome water and electricity supply area*)	☐
Các khu vực khác (*Other areas*)	☐

19.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport)*:

Nội Bài	☐	Điện Biên	☐	Cát Bi	☐	Thọ Xuân	☐
Vinh	☐	Đồng Hới	☐	Đà Nẵng	☐	Phú Bài	☐
Chu Lai	☐	Pleiku	☐	Phù Cát	☐	Tuy Hoà	☐
Cam Ranh	☐	Buôn Ma Thuột	☐	Liên Khương	☐	Côn Sơn	☐
Cần Thơ	☐	Rạch Giá	☐	Cà Mau	☐	Phú Quốc	☐

Tân Sơn Nhất	☐					Vân Đồn	☐

20. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

20.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. *(I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).*

20.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm *(I have read and understood the regulations on the use of aviation security permit. During the use of airport security permit, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).*

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

21. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

21.1. Tôi xác nhận Ông, bà: … … … … …là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 19. *(I hereby certify that Mr./Mrs ... ... is our personnel who is assigned with the duties as described at paragraph 19 above).*

21.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) … … … … … không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số … ngày … tháng … năm … do …….. … cấp); các mục từ 01 đến 20 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr/Mrs ... ... has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by ……..); Statements in paragraphs from 01 to 20 are true and correct.*

Không yêu cầu doanh nghiệp phải xác nhận thông tin này khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

No requirement shall be imposed on organization/unit to certify or confirm information when the competent Authority can extract, use information of criminal record in Criminal Record Database.

21.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) … … … là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày … tháng … năm…
(MM/DD/YY)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú:
(*Note:*)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 21 mục; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in paragraph 21 must*

be filled, otherwise the application will be rejected).

- Mục 21.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này khi đề nghị cấp mới đến khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

(*Only subjects specified at points a, b and c in clause 1, Article 6 of this Circular subjected to provisions at Session 21.2 for the new issuance of airport security permits till the competent Authority extract, use information of criminal record in Criminal Record Database*).

- Đối với tờ khai đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, người xác nhận chỉ đóng dấu nếu có dấu.

(*For the personal form request the airport permit issued by the airport operator, the stamp is subjected to availability of the office's seal*).

1.12.4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.
2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía dưới có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hoá cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị. Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; Phần giữa có in các thông tin cá thể hóa.
3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.
4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay dài hạn:
a. Cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Mặt trước

Mặt sau

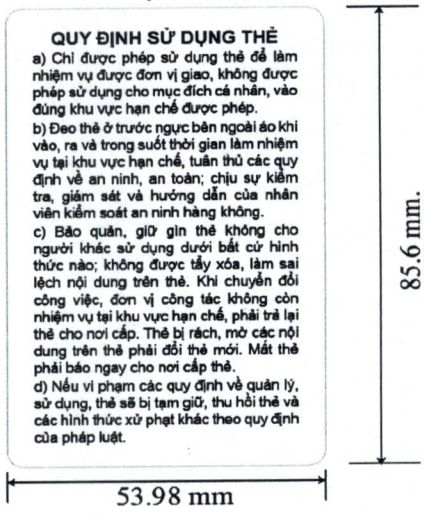

b. Cấp tại Cảng hàng không sân bay quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Mặt trước

Mặt sau

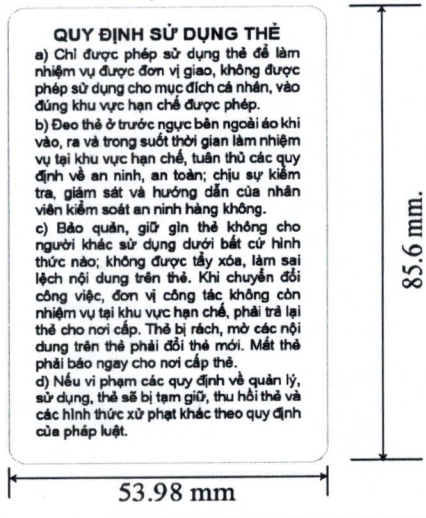

c. Cấp tại Công an cấp tỉnh:

Mặt trước

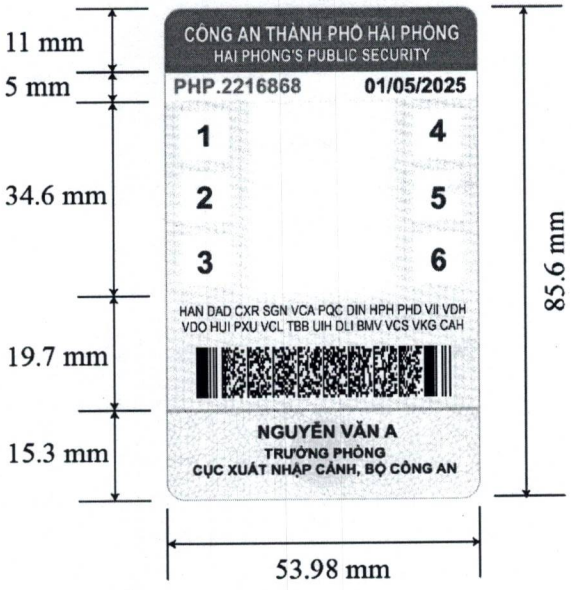

Mặt sau

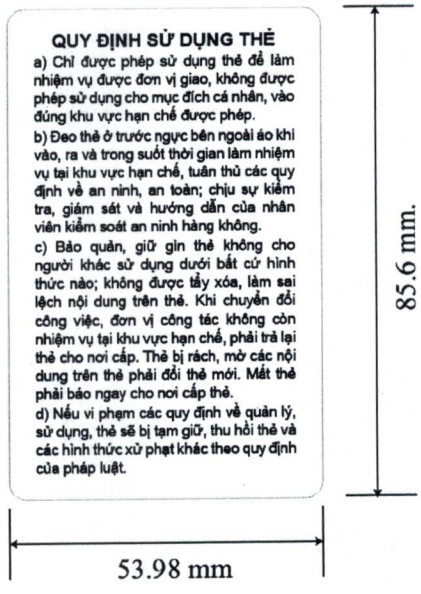

5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay dài hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1, số 4 màu đỏ:

Mặt trước

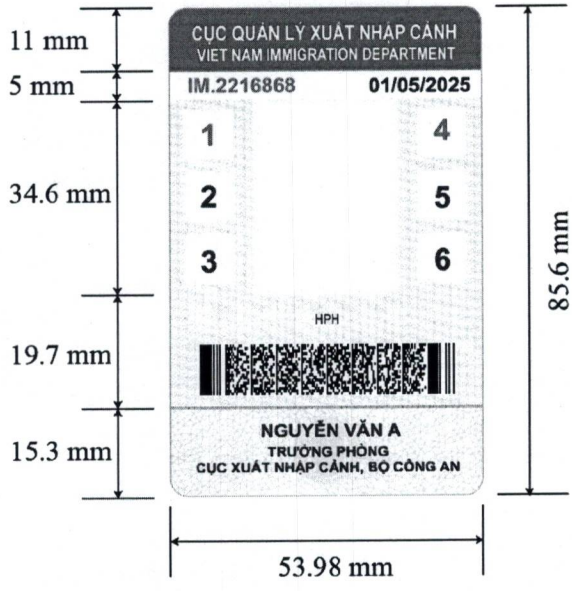

Mặt sau

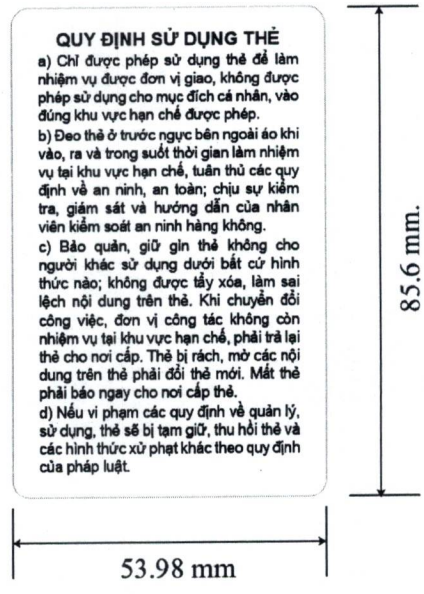

2. Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ thủ tục hành chính: Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không - cơ quan cấp thẻ.

Bước 2: Giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo, hướng dẫn và đề nghị cơ quan đề nghị cấp thẻ bổ sung hồ sơ theo quy định.

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại 02 sân bay trở lên, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 44-46, phố Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (xã Nội Bài, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Hòa Thuận Tây, thành phố Đà Nẵng).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân

bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 01 đường Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không do Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Nộp trên môi trường điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 2A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu 3A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 2A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

(3) Nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 2A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử);

(3) Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác không cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*); kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 2A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng*

Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam);

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu 3A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

Doanh nghiệp không phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(4) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 2A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu 3A (*ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

2.8. Phí, lệ phí: 150.000 đồng/lần/thẻ.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị (*Mẫu 1A ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (*Mẫu 2A ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (*Mẫu 3A ban hành kèm Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*).

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 quy định về an ninh hàng không.

- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

- Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam.

2.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

2.12.1. Mẫu Công văn đề nghị

Tên đơn vị đề nghị…

Name of organization

Số (Number):……/…….

V/v (Subject):

……..

… (location), ngày (date)…tháng (month)… năm (year)…

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; …… , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) …….. giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject … [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: (2)……

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: ……

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)"

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- …;
- Lưu …
(Save)

[1] Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached."

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép, thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.

2.12.2. Mẫu danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

Đơn vị..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN (1)
(Kèm công văn số .... ngày... tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị.....)

Kính gửi: ....

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	*Số CC/CCCD/Hộ chiếu*	Số thẻ đã cấp(nếu có)	Thời hạn đề nghị cấp	Khu vực đề nghị cấp						Ghi chú

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (2)
(ký tên, đóng dấu)"

(1) Nếu danh sách có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.

(2) Không áp dụng đối với các trường hợp danh sách trích ngang đính kèm văn bản đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

2.12.3. Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu Color photo 04cm x 06cm (dấu giáp lai đóng kèm) (the joint-page-seal attached)

…, ngày … tháng … năm …
…, date … month … year …

Kính gửi: … … … …… … … …… … … …
To: … … … …… … … …… … … …

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY PERMIT WITH LONG-TERM USE)

Số: … … …[1]
No: … … …

1. Họ và tên *(Full Name)*: …… 2. Giới tính (*Gender)*:……..
3. Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: …/…/… 4. Dân tộc *(Ethnic group)*:……
5. Quê quán *(Hometown)*: …… 6. Tôn giáo *(Religion)*: ……..
7. Quốc tịch *(Nationality)*: ……
8. Chức vụ *(Position)*: …… 9. Điện thoại liên lạc *(Tel)*:……..
10. Chỗ ở hiện nay *(Present address)*:……
11. Số Căn cước/CCCD *(National ID card)*/ Hộ chiếu (*Passport No)*:……
12. Ngày cấp *(Date of issue)*: …… Nơi cấp *(Place of issue)*:……
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác *(Working place)*:……..
14. Thời hạn làm việc *(Length of work)*:
14.1. Biên chế nhà nước *(Permanent term)* ☐
14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn *(Indefinite-term contract)* ☐
14.3. Hợp đồng xác định thời hạn *(Definite-term contract)* ☐
Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc *(Seasonal Contract)* ☐

[1] Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...

15. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five years*):

Thời gian *(Time)*	Đơn vị công tác *(Working place)*	Chức vụ, công việc *(Positions and duties)*

16. Kỷ luật *(Discipline)*: … … … … … … … …… … … …… … … …… …

17. Tiền án, tiền sự *(Previous convictions)*: … … … …… … … …… … …

18. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có)/*Airport Security permit number (if any)*: … … … …… … … …… … … …… … … …… … …

19. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay *(Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas)*:

……

19 .1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (*Frequency of activities in restricted areas*):

- Thường xuyên *(Regular)* ☐
- Không thường xuyên *(Irregular)* ☐

19.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (*Activities in restricted areas*)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa *(Passenger, baggage and cargo handling)*	☐
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay *(Aircraft maintenance, repair and cleaning)*	☐
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu… cho tàu bay *(Aircraft catering, refueling...)*	☐
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay *(Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)*	☐
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (*Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport*)	☐
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (*Airport/ terminal equipment maintenance)*	☐
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga *(Providing business and services at the terminal)*	☐
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay *(Providing other services for flights)*	☐
Phục vụ chuyên cơ *(VVIP flights)*	☐
Làm thủ tục visa cho khách du lịch *(Assisting visa for tourists)*	☐

Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị *(Welcoming and seeing off organization's visitors)*	☐
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan *(Performing duties of the public security, army and customs)*	☐
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác *(Performing duties of competent authorities)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga *(Terminal facilities construction and repair)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay *(Airport facilities construction and repair)*	☐
Công việc khác (*Other activities*)	☐

19.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 19.2 trên *(Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 19.2 above)*: ……
……

19.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (*Which area(s) do you apply for?*):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (*Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area*)	☐
Khu vực sân đỗ tàu bay (*Aircraft parking area*)	☐
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (*Runways and taxiways*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (*Baggage sorting and loading area*)	☐
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (*Transit/transfer area*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (*Cargo and mail sorting and loading area*)	☐
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (*VVIP Flight Lounges*)	☐
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (*Baggage reclaim area at Arrival Terminal*)	☐
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (*Passenger check-in area*)	☐
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (*Cargo and mail accepting and holding area*)	☐
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (*Airport/aerodrome water and electricity supply area*)	☐
Các khu vực khác (*Other areas*)	☐

19.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport)*:

Nội Bài	☐	Điện Biên	☐	Cát Bi	☐	Thọ Xuân	☐
Vinh	☐	Đồng Hới	☐	Đà Nẵng	☐	Phú Bài	☐
Chu Lai	☐	Pleiku	☐	Phù Cát	☐	Tuy Hoà	☐
Cam Ranh	☐	Buôn Ma Thuột	☐	Liên Khương	☐	Côn Sơn	☐
Cần Thơ	☐	Rạch Giá	☐	Cà Mau	☐	Phú Quốc	☐

Tân Sơn Nhất	☐					Vân Đồn	☐

20. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

20.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. *(I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).*

20.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm *(I have read and understood the regulations on the use of aviation security permit. During the use of airport security permit, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).*

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

21. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

21.1. Tôi xác nhận Ông, bà: … … … … …là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 19. *(I hereby certify that Mr./Mrs ... ... is our personnel who is assigned with the duties as described at paragraph 19 above).*

21.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) … … … … … không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số … ngày … tháng … năm … do …….. … cấp); các mục từ 01 đến 20 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr/Mrs ... ... has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by ……..); Statements in paragraphs from 01 to 20 are true and correct.*

Không yêu cầu doanh nghiệp phải xác nhận thông tin này khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

No requirement shall be imposed on organization/unit to certify or confirm information when the competent Authority can extract, use information of criminal record in Criminal Record Database.

21.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) … … … là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày … tháng … năm…
(MM/DD/YY)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú:
(*Note:*)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 21 mục; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in paragraph 21 must*

be filled, otherwise the application will be rejected).

- Mục 21.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này khi đề nghị cấp mới đến khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

(*Only subjects specified at points a, b and c in clause 1, Article 6 of this Circular subjected to provisions at Session 21.2 for the new issuance of airport security permits till the competent Authority extract, use information of criminal record in Criminal Record Database*).

- Đối với tờ khai đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, người xác nhận chỉ đóng dấu nếu có dấu.

(*For the personal form request the airport permit issued by the airport operator, the stamp is subjected to availability of the office's seal*).

2.12.4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.
2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía dưới có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hoá cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị. Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; Phần giữa có in các thông tin cá thể hóa.
3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.
4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay dài hạn:
a. Cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Mặt trước

Mặt sau

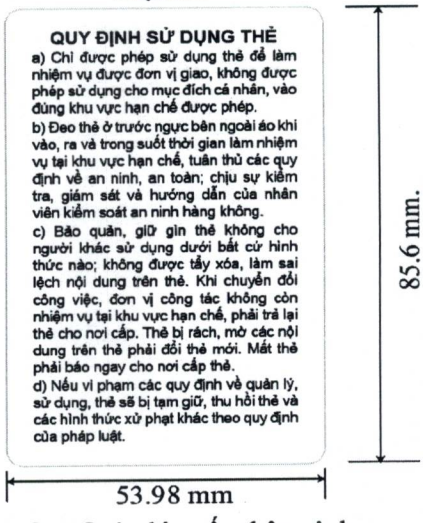

b. Cấp tại Cảng hàng không sân bay quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Mặt trước

Mặt sau

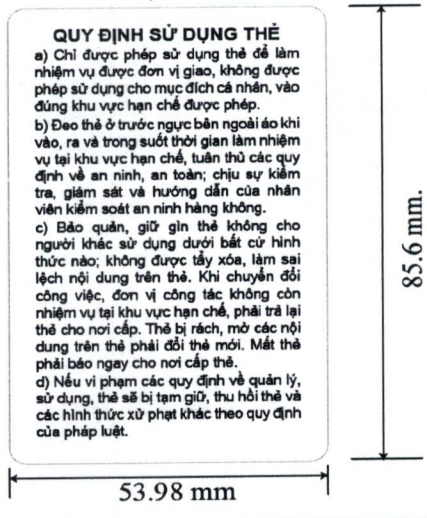

c. Cấp tại Công an cấp tỉnh:

Mặt trước

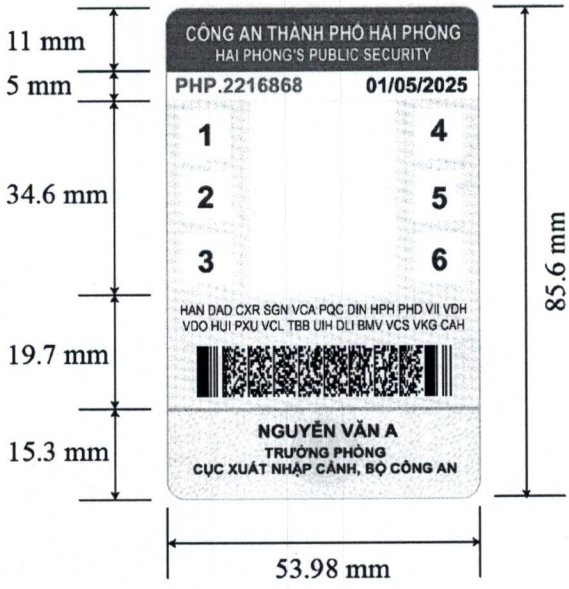

Mặt sau

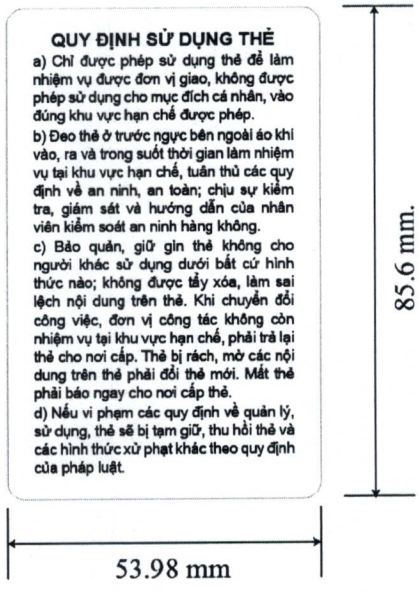

5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay dài hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1, số 4 màu đỏ:

Mặt trước

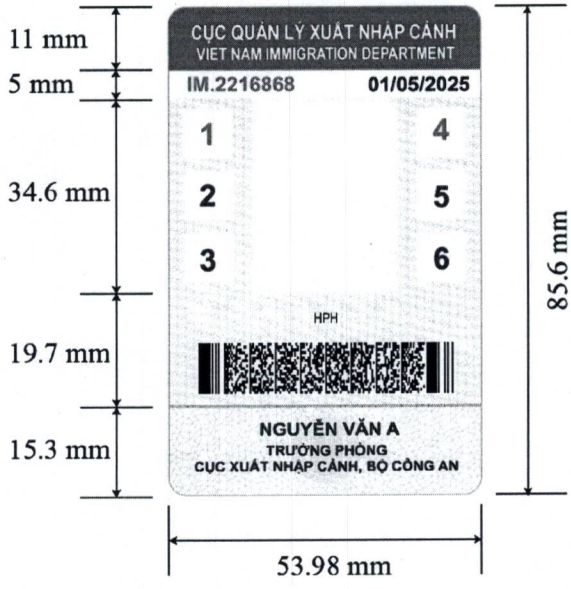

Mặt sau

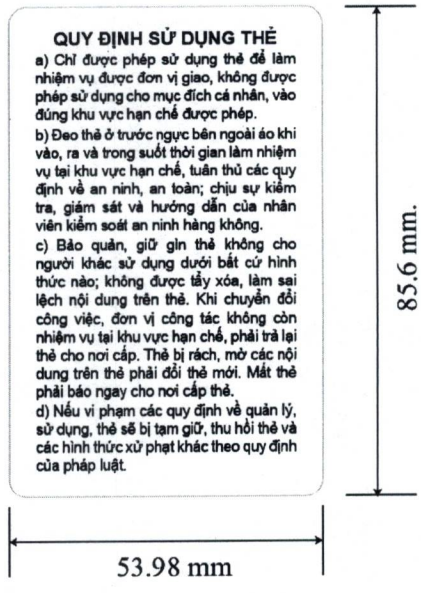

3. Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ thủ tục hành chính: Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không - cơ quan cấp thẻ.

Bước 2: Giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính:

Trong thời hạn không quá 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định; nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị cấp thẻ về việc không cấp và nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (xã Nội Bài, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Hòa Thuận Tây, thành phố Đà Nẵng).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 01 đường Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, cơ

quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn sử dụng tại Cảng hàng không do Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không, cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; hoặc

- Nộp trên môi trường điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Mẫu 1A (*Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*), kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu 4A (*Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Bản sao giấy tờ tùy thân của người đề nghị cấp thẻ, trừ căn cước công dân, thẻ căn cước.

b) Số lượng: 01 bộ

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

* Thời gian tiếp nhận: 24h/ngày, 7 ngày trong tuần.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các đối tượng có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay hoặc đối tượng được quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21/4/2025 quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không mà chưa được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn thì được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không,

sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn. Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

3.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

3.8. Phí, lệ phí: 20.000 đồng/lần.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị (*Mẫu 1A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Danh sách trích ngang đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn (*Mẫu 4, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Bản sao giấy tờ tùy thân của người đề nghị cấp.

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 quy định về an ninh hàng không.

- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí

trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

- Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam.

3.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

3.12.1. Mẫu công văn đề nghị:

Tên đơn vị đề nghị…

Name of organization

Số (Number):……/…….

V/v (Subject):

……..

… (location), ngày (date)…tháng (month)… năm (year)…

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; ……. , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) …….. giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject … [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: (2)……

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: ……

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- …;
- Lưu …
(Save)

[1] Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached."

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép, thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.

3.12.2. Mẫu danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn:

Đơn vị..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN (1)

(Kèm công văn số .... ngày... tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị.....)

STT	Họ và tên	Giới tính	Số giấy tờ tùy thân (2)	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1								
2								
3								
.....								
.....								
....								
.....								
TỔNG CỘNG								

(1) Nếu danh sách có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai của cơ quan đề nghị.

(2) Căn cước công dân hoặc căn cước hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư lãnh sự hoặc chứng minh thư công vụ hoặc chứng minh thư phổ thông hoặc hộ chiếu hoặc thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

3.12.3. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn:

THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN

1. Chất liệu: thẻ bằng giấy cứng, kích thước thẻ 85 mm x 95 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm". Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hoá cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị.

3. Hình ảnh mặt sau: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm". Phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.

4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay ngắn hạn:

a. Cấp tại Cảng hàng không sân bay quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

Mặt trước

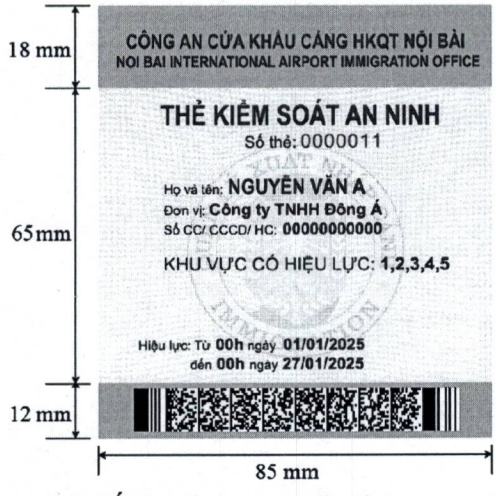

Mặt sau

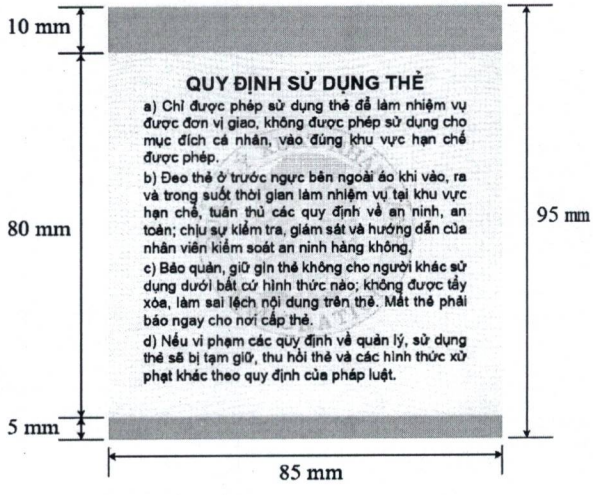

b. Cấp tại công an các địa phương:

Mặt trước

Mặt sau

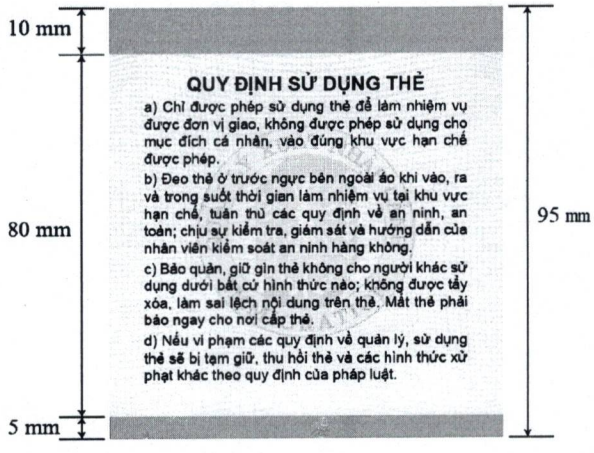

5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay ngắn hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

Mặt trước

Mặt sau

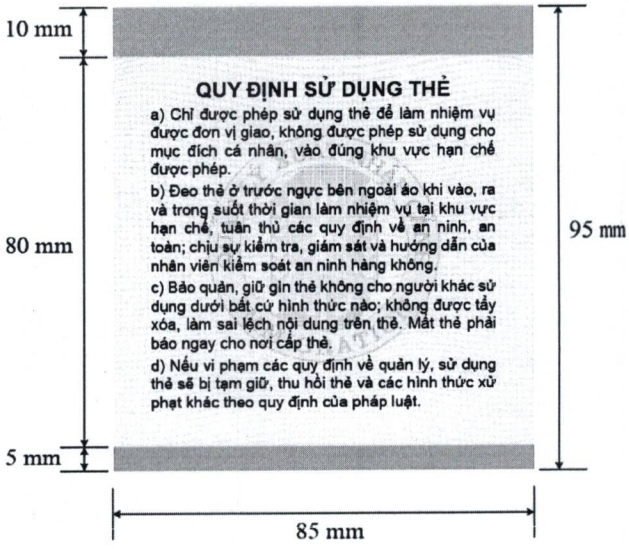

4. Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ thủ tục hành chính: Cơ quan đề nghị cấp cấp giấy phép cho phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không - cơ quan cấp giấy phép.

Bước 2: Giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo và đề nghị cơ quan đề nghị cấp giấy phép bổ sung hồ sơ theo quy định.

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (xã Nội Bài, thành phố Hà Nội).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Hòa Thuận Tây, thành phố Đà Nẵng).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu

cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (số 01 đường Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang).

Trường hợp cơ quan đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn sử dụng tại Cảng hàng không do Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không, cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ tại trụ sở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Nộp trên môi trường điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (*Mẫu 1A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay (*Mẫu 5A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh được giao chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

4.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị (*Mẫu 1A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam*);

- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay (*Mẫu 5A, Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam)*;

Ghi chú: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 quy định về an ninh hàng không.

- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

- Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không Việt Nam.

4.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

4.12.1 Mẫu công văn đề nghị:

Tên đơn vị đề nghị…

Name of organization

Số (Number):……/…….

V/v (Subject):

……..

… (location), ngày (date)…tháng (month)… năm (year)…

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; …… , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) …….. giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject … [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: (2)……

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: ……

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)"

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- …;
- Lưu …
(Save)

[1] Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached."

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép, thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.